

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2022/DS-PT**

Ngày **25-7-2022**

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhân
Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình
Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm-Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2021/TLPT- DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Cụ ông **Ngô H**, sinh năm 1932 “có mặt”
2. Cụ bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1935 “vắng mặt”

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn T, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước

Cùng uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà **Ngô Thị Thu H**, sinh năm 1969 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Quốc lộ 14, khu phố X, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông **Ngô D**, sinh năm 1956 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: tổ 12, khu vực II, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Ủy quyền tham gia tố tụng cho anh **Ngô Thái H**, sinh năm 1991 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: đường P, phường 4, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc T

Địa chỉ: Đường ĐT 741, thôn H, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật là bà **Nguyễn Ngọc T**-Trưởng Văn phòng “đề nghị vắng mặt”

2. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Nguyễn Danh T**, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P “đề nghị vắng mặt”

- *Người kháng cáo:* Các nguyên đơn cụ ông **Ngô H** và cụ bà **Trần Thị Q**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1981, vợ chồng các nguyên đơn cụ ông Ngô H và cụ bà Trần Thị Q từ tỉnh Quảng Trị vào tỉnh Sông Bé, nay là tỉnh Bình Phước sinh sống, đến năm 1986 khai hoang được diện tích khoảng 1,5ha tại thôn T, xã R, huyện P, tỉnh Sông Bé, nay là huyện P, tỉnh Bình Phước. Ngày 30/7/1997, các nguyên đơn được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P, tỉnh Sông Bé cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) số H 554011, vào sổ cấp GCN số 1247/QSDĐ tại thửa số 15, 42, tờ bản đồ số 44, 45, diện tích 14.235m². Ngày 12/6/1999, các nguyên đơn chuyển nhượng một phần diện tích 5.310m² đất cho hộ ông Nguyễn Hữu N. Năm 2000, các nguyên đơn xây dựng một ngôi nhà ba gian trên phần đất 12m x 10m để sinh sống và thờ cúng cha mẹ ông bà tổ tiên. Ngày 06/3/2014, các nguyên đơn được cấp đổi Giấy CNQSDĐ số BT 164331, vào sổ cấp GCN số CH 1305/ĐS tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 45, diện tích 7.205m². Năm 2015, các nguyên đơn tiến hành tặng cho QSDĐ cho 10 người con, mỗi người được hưởng một phần đất như nhau, riêng bị đơn ông Ngô D là con trai cả được tặng cho phần đất nhiều hơn có diện tích 607,3 m² nhưng với điều kiện cụ thể, rõ ràng bị đơn phải sử dụng phần đất tặng cho này vào việc thờ cúng cha mẹ ông bà tổ tiên sau khi các nguyên đơn qua đời; đồng thời các nguyên đơn gửi cho bị đơn giữ và uỷ quyền đứng tên phần đất kề bên cạnh phần đất (607,3 m²) có diện tích 588,3m² để bị đơn chuyển nhượng giao lại tiền cho các nguyên đơn phòng khi họ ốm đau không có tiền. Do đó, ngày 07/01/2015 các nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 000030, được công chứng tại Văn phòng Công chứng P nay là Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc T, số công chứng 000030, quyền số 01/2015-TP/CC-SCC/HĐGD, theo đó, nguyên đơn tặng cho bị đơn một phần đất có diện tích 4.296,8m² (100m² đất ONT và 4.196,8m² đất CLN) nằm trong tổng diện tích đất 7.205m² (300m² đất ONT và 6.905m² đất CLN) của Thửa đất số 15, tờ bản đồ

số 45, đã được cấp GCNQSDĐ số BT 164331, sổ vào sổ cấp GCN: CH 1305/ĐC ngày 06 tháng 3 năm 2014 của UBND huyện B, nay là P mang tên hộ cụ ông Ngô H. Sau đó, ngày 30/3/2015, bị đơn được UBND huyện B, nay là P cấp GCNQSDĐ số BV 795309, sổ vào sổ cấp GCN số CH 01659/TCTT đối với phần đất có diện tích 4.296,8m² trên. Cho rằng bị đơn không thể hiện cam kết bằng văn bản về điều kiện tặng cho đã thoả thuận trước đó và khi tặng cho, đồng thời cho rằng bị đơn không thể thực hiện được điều kiện việc tặng cho quyền sử dụng đất nên các nguyên đơn cụ ông Ngô H và cụ bà Trần Thị Q khởi kiện yêu cầu hủy bỏ một phần của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên và buộc bị đơn ông Ngô D phải có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q 02 phần đất có diện tích 1.195,6m², trong đó phần đất tặng cho có điều kiện có diện tích 607,3m² (trong đó có 100m² đất ONT) và phần đất gửi cho bị đơn giữ và uỷ quyền đứng tên có diện tích 588,3m² (đất CLN).

Về phía bị đơn ông Ngô D cũng đồng ý hủy bỏ một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất bị đơn nhận giữ và uỷ quyền đứng tên có diện tích 588,3m²; còn đối với phần đất tặng cho có diện tích 607,3m² bị đơn cũng đồng ý hủy bỏ một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng với mong muốn các nguyên đơn sẽ tặng cho bị đơn một phần đất tương tự như tặng cho các anh em khác trong nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q về việc hủy phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q với ông Ngô D, hợp đồng lập ngày 07/01/2015, được công chứng số 000030 đối với phần quyền sử dụng đất có diện tích 607,3m² (trong đó có 100m² đất ONT), trên đất có một ngôi nhà ba gian (theo bản di chúc viết tay đề ngày 10/01/2015), đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường thôn nhựa có chiều rộng 13m; phía Tây giáp phần đất mặt hậu mang tên ông Ngô D có chiều rộng 13m; phía Nam giáp đất mang tên ông Ngô D có chiều dài 46,55m; phía Bắc giáp đất của ông Ngô D có chiều dài 47,31m.

2. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc hủy phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q và bị đơn ông D, hợp đồng công chứng số 000030 ngày 07/1/2015 đối với phần đất có diện tích 588,3m² (đất CLN), phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường thôn nhựa có chiều rộng 12,55m; phía Tây giáp phần đất mặt hậu mang tên ông Ngô D có chiều rộng 13m; phía Nam giáp đất của bà Ngô Thị Thu H có chiều dài 46,07m; phía Bắc giáp đất (yêu cầu hủy có bản di chúc) bị đơn ông Ngô D có chiều dài 46,55m.

Các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q và bị đơn ông Ngô D được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đề nghị cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 6 năm 2019 các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc huỷ bỏ một phần của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã khởi kiện đối với phần đất có diện tích 607,3 m² và sửa Bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu huỷ bỏ toàn bộ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 15, tờ bản đồ 45, diện tích 4.296,8m² mặc dù có phần chưa khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của các nguyên đơn theo thủ tục phúc thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, thấy rằng:

[2.1] Xét kháng cáo yêu cầu huỷ bỏ một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 000030 ngày 07 tháng 01 năm 2015 được ký kết giữa các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q với bị đơn ông Ngô D, được công chứng tại Văn phòng Công chứng P nay là Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc T, số công chứng 000030, quyền số 01/2015-TP/CC-SCC/HĐGD đối với phần đất có diện tích 607,3m² (trong đó có 100m² đất ONT). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Ngô D đã thừa nhận việc cha mẹ bị đơn ông Ngô D là các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q tặng cho bị đơn đối với phần đất có diện tích 607,3m² này là tặng cho có điều kiện với điều kiện là sau khi các nguyên đơn qua đời thì bị đơn phải sử dụng phần đất tặng cho này vào việc thờ cúng cha mẹ ông bà tổ tiên. Lời thừa nhận này của bị đơn cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án, cụ thể tại các bút lục 82, 185. Như vậy, thực chất việc tặng cho phần diện tích đất 607,3m² này là có điều kiện cụ thể và rõ ràng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên có

điều kiện là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng này không ghi điều kiện tặng cho trên vào trong hợp đồng là không đúng ý chí và thoả thuận của các bên là có thiếu sót; hơn nữa, bị đơn ông Ngô D còn cho rằng trong tổng số diện tích 4.296,8m² trong Hợp đồng tặng cho trên thì có 3 phần, một phần tặng cho có điều kiện, một phần gửi giữ và một phần chuyển nhượng nên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà các bên đã ký kết và được công chứng trên là không đầy đủ, không cụ thể, không rõ ràng và có phần giả tạo. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Ngô D đồng ý hủy bỏ một phần hợp đồng tặng cho đối với phần diện tích đất 588,3m² và cũng đồng ý hủy bỏ một phần hợp đồng tặng cho đối với phần diện tích đất 607,3m² nhưng với mong muốn các nguyên đơn sẽ tặng cho bị đơn một phần đất tương tự như tặng cho các anh em khác trong nhà. Như vậy, xét thấy việc các nguyên đơn và bị đơn thoả thuận hủy bỏ một phần hợp đồng tặng cho đối với phần diện tích đất 588,3m² là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên được công nhận; đối với yêu cầu hủy bỏ một phần hợp đồng tặng cho đối với phần đất có diện tích 607,3m² của các nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên cũng được chấp nhận, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét kháng cáo yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 000030 ngày 07 tháng 01 năm 2015 được ký kết giữa các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q với bị đơn ông Ngô D, được công chứng tại Văn phòng Công chứng P nay là Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc T, số công chứng 000030, quyển số 01/2015-TP/CC-SCC/HĐGD: Tại Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2018 của các nguyên đơn cụ ông Ngô H và cụ bà Trần Thị Q thì các nguyên đơn chỉ yêu cầu hủy bỏ một phần của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với 02 phần đất 607,3m², và 588,3m², tổng diện tích 1.195,6m² chứ không phải yêu cầu hủy toàn bộ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có toàn bộ diện tích đất 4.296,8m², đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Do đó, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ toàn bộ hợp đồng tặng cho là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên yêu cầu kháng cáo này của các nguyên đơn không được chấp nhận.

[2.3] Đối với phần diện tích đất còn lại của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên theo kết quả đo đạc ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P là 2.940,7m² nên sau này các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật nên được tách ra theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q, sửa Bản án sơ thẩm được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí: Các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà các nguyên đơn đã nộp. Bị đơn ông Ngô D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Các nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2] Về chi phí tố tụng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 3.586.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q được chấp nhận nên bị đơn ông Ngô D phải chịu toàn bộ số tiền 3.586.000 đồng. Do các nguyên đơn đã nộp chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.586.000 đồng nên bị đơn ông Ngô D phải trả lại đầy đủ cho các nguyên đơn số tiền 3.586.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ các điều 223, 465, 467, 470, 424, 425, 722, 723 của Bộ luật Dân sự năm 2005,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q,

Hủy bỏ một phần của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 000030 ngày 07 tháng 01 năm 2015 được ký kết giữa các nguyên đơn cụ ông Ngô Hóa, cụ bà Trần Thị Q với bị đơn ông Ngô D, được công chứng tại Văn phòng Công chứng P nay là Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc T, số công chứng 000030, quyển số 01/2015-TP/CC-SCC/HĐGD đối với phần đất có diện tích 607,3m² (trong đó có 100m² đất ONT),

Buộc bị đơn ông Ngô D phải có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q phần đất có diện tích 607,3m² (trong đó có 100m² đất ONT) nằm trong diện tích 4.296m² của Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại thôn T, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 795309, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01659/TCCTT ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B, nay là huyện P cấp cho ông Ngô D; có tứ cận: Phía Đông giáp đường thôn nhựa có chiều rộng 13m; phía Tây giáp phần đất có diện tích 2.940,7m² có chiều rộng là 13m; phía Nam giáp phần đất 588,3m² có chiều dài 46,55m; phía Bắc giáp đất của ông Ngô D có chiều dài 47,31m (Kèm theo Bản Đo đạc ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bình Phước).

3. Công nhận sự thoả thuận của các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q và bị đơn ông Ngô D,

Hủy bỏ một phần của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 000030 ngày 07 tháng 01 năm 2015 được ký kết giữa các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q với bị đơn ông Ngô D, được công chứng tại Văn phòng Công chứng P nay là Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc T, số công chứng 000030, quyền số 01/2015-TP/CC-SCC/HĐGD đối với phần đất có diện tích 588,3m² (đất CLN),

Buộc bị đơn ông Ngô D phải có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q phần đất có diện tích 588,3m² (đất CLN) nằm trong diện tích 4.296m² của Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 45, toạ lạc tại thôn T, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 795309, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01659/TCTT ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B, nay là huyện P cấp cho ông Ngô D; có tứ cận: Phía Đông giáp đường thôn nhựa có chiều rộng 12,55m; phía Tây giáp phần đất có diện tích 2.940,7m² có chiều rộng là 13m; phía Nam giáp đất của bà Ngô Thị Thu H có chiều dài 46,07m; phía Bắc giáp phần đất 607,3m² có chiều dài 46,55m (*Kèm theo Bản Đo đạc ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bình Phước*).

4. Các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q và bị đơn ông Ngô D được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Căn cứ Điều 42 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Tách phần diện tích đất còn lại 2.940,7m² chưa được giải quyết của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 000030 ngày 07 tháng 01 năm 2015 được ký kết giữa các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q với bị đơn ông Ngô D, được công chứng tại Văn phòng Công chứng P nay là Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc T, số công chứng 000030, quyền số 01/2015-TP/CC-SCC/HĐGD để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Căn cứ các điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q không phải nộp và được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng mà các nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026603 ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện P. Còn bị đơn ông Ngô D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q không phải nộp và được trả lại số tiền 300.000 đồng mà các nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 027119 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Về chi phí tố tụng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Ngô D trả lại đầy đủ cho các nguyên đơn cụ ông Ngô H, cụ bà Trần Thị Q số tiền 3.586.000 đồng.

7. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân